

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyệt

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Nguyệt

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Nguyệt

Mã SV: 1612401041

Lớp : QT2001K

Ngành : Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo thông tư 200/2014/TT-BTC
- ✓ Tìm hiểu thực tế kế toán thanh toán với người mua người bán tại đơn vị thực tập .
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán .

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- 3.** Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán người mua người bán năm 2019 tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

4. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- ✓ Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Nguyệt Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
 - Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
 - Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập.
 - Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán	3
1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán	3
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán	4
1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua.....	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	7
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	10
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	10
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	10
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	12
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	13
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.....	13
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.	13
1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	15
1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung	15
1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký – sổ cái	17
1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	19
1.5.4. Theo Hình thức kế toán máy	21
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH.....	23
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH	23
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.	23
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ.....	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty	24

2.1.4. Những thuận lợi khó khăn của công ty	25
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH	26
2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị.....	27
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH	28
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH	28
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.....	28
2.2.2.1. Tài khoản, sổ sách sử dụng.	28
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Cty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.	41
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	41
2.2.3.2. Quy trình hạch toán.....	41
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH.....	55
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH	55
3.1.1. Ưu điểm.....	55
3.1.2 Hạn chế.....	56
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và phân phối DH	58
3.2.1. Giải pháp 1: Quản lý công nợ	58
3.2.2. Giải pháp 2 : Giải pháp thu hồi nợ hiệu quả	63
3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	63
3.2.4. Giải pháp 4: Dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	64
KẾT LUẬN	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76
KẾT LUẬN	75

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người mua trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC.....	9
Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC	12
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.	16
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:.....	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	20
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy	22
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	24
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	26

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: HĐ GTGT 0000535	31
Biểu số 2: HĐ GTGT 0000538	32
Biểu số 3: Giấy báo có	33
Biểu số 3: Giấy báo có	35
Biểu số 5: Trích Nhật Ký Chung.....	36
Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131 tháng 12/2019	37
Biểu số 7: Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng.	38
Biểu số 8: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.....	40
Biểu số 9: HĐ GTGT 0000823	43
Biểu số 10: HĐ GTGT số: 000823	44
Biểu số 11: Ủy nhiệm chi.....	46
Biểu số 12: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	47
Biểu số 13: Ủy nhiệm chi.....	48
Biểu số 14: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	49
Biểu số 15: Trích Nhật Ký Chung.....	50
Biểu số 16: Trích sổ cái TK 331 tháng 12/2019	51
Biểu số 17: Trích sổ chi tiết phải trả cho người bán.	52
Biểu số 18: Trích bảng tổng hợp phải trả cho người bán.....	54

LỜI MỞ ĐẦU**1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Ngày nay cùng với sự phát triển của các nền kinh tế trên thế giới, nước ta cũng đã tiến hành các biện pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế, thu hút các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, và tham gia cạnh tranh trên thị trường cùng với các doanh nghiệp trong nước ngày càng gay gắt. Chính vì vậy, các doanh nghiệp trong nước gặp không ít những khó khăn trong việc chiếm lĩnh thị trường. Không những vậy các yếu tố của thị trường không ngừng vận động và thay đổi làm cho doanh thu của các doanh nghiệp không thể duy trì ổn định.

Đối với mỗi doanh nghiệp vấn đề cấp thiết được đặt lên hàng đầu là tính hiệu quả kinh tế, phải duy trì được nó thì các doanh nghiệp mới có thể đứng vững trên thị trường trong nước nói chung và vươn ra phát triển trên các quốc gia khác. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp cần tìm ra hướng đi thích hợp cho mình,

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH, em thấy công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt của doanh nghiệp. Cùng với sự hướng dẫn của cô giáo em đã quyết định chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH” để làm đề tài khóa luận cho mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Mô tả thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua , người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: nghiên cứu tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.
- Về thời gian: Năm 2019.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

Nội dung nghiên cứu; gồm 3 chương.

CHƯƠNG 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

CHƯƠNG 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các anh chị phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số khái niệm cơ bản về thanh toán

1.1.1. Khái niệm thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán: là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia. Thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Thanh toán bằng tiền mặt: bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ các loại, hồi phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền.... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ... thì bên mua xuất hiện tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ

- Thanh toán không bằng tiền mặt là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thẻ tín dụng-L/C.

- Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

- Thanh toán ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chỉ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác..

- Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này. Định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi

- Thanh toán bằng thư tín dụng-L/C, theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một tài khoản tín dụng ngân hàng của bên mua để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn bị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

- Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán thanh toán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đơn đốc việc thanh toán kịp thời tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra,

đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua và người bán, sao cho khoa học hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không đòi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

* Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ TK 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ số thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

- Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên có TK 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên có TK 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập BCTC. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng bán hàng (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch)
- Hóa đơn bán hàng(hoặc hóa đơn GTGT)(do doanh nghiệp lập.
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền, phiếu thu, giấy báo có.
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật kí chung
- Sổ chi tiết TK 131 theo từng khách hàng.
- Bảng tổng hợp TK 131

b) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

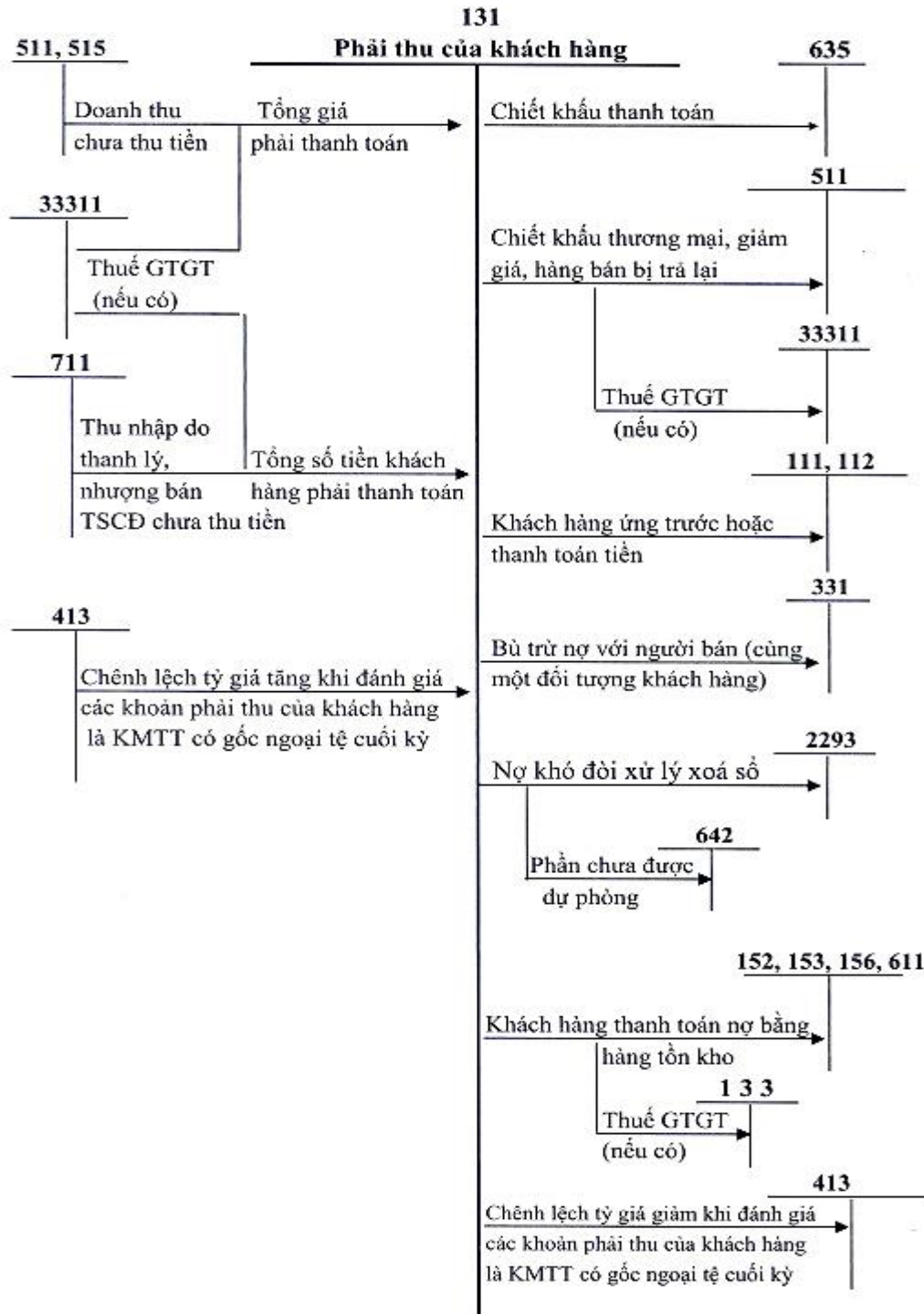
Kết cấu TK 131: phải thu của khách hàng.

Bên nợ	Bên có
-Số tiền phải thu của khách gàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT). - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. - Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt nam).
Số dư bên nợ Số tiền còn phải thu của khách hàng	Số dư bên có (nếu có) Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng

Chú ý: Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “ tài sản” và bên “ nguồn vốn” .

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người mua trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá dịch vụ trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

a) Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa , phiếu nhập kho, biên bản giao nhận,..

- Các chứng từ thanh toán tiền hàng, phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc,...

- Biên bản đối chiếu công nợ

- Sổ cái TK 331

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết TK 331 từng nhà cung cấp

- Bảng tổng hợp TK 331

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331: Phải trả cho người bán

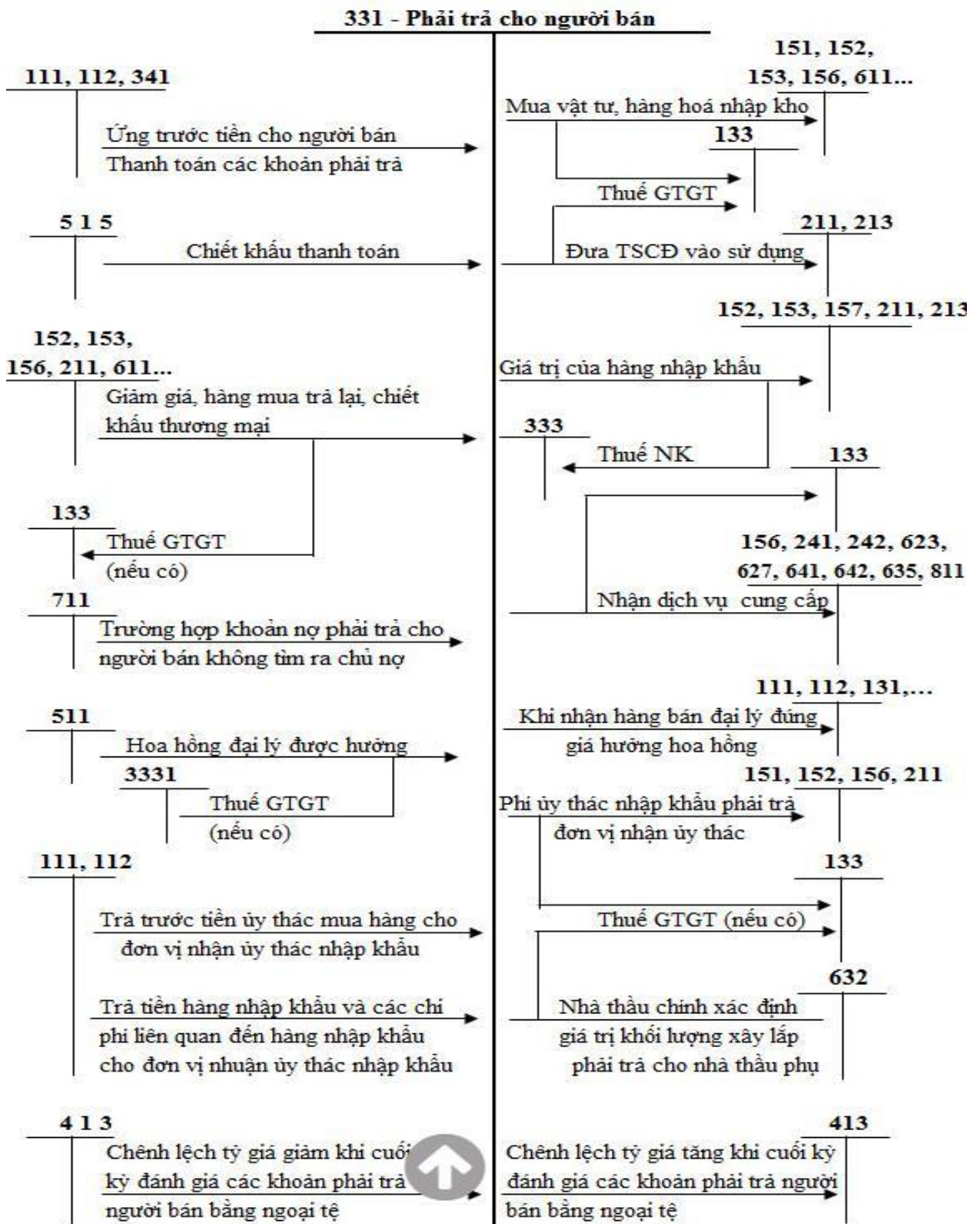
Kết cấu TK 331: Phải trả cho người bán

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. - Số tiền cung ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. -Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư hàng hóa dịch vụ được nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p style="text-align: center;">Số dư bên nợ (nếu có)</p> <p>Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số tiền phải trả cho người bán theo chi tiết từng đối tượng cụ thể</p>	<p style="text-align: center;">Số sự bên có</p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.</p>

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên “ Tài sản: và bên “ Nguồn vốn”.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC



Sơ đồ 1.2: Kế toán các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thanh toán với người bán trong DN theo TT 133/2016/TT-BTC

1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.**1.4.1.Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.**

- Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

- Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

+ Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

-Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế(là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

+ Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

- Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 511, 711: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

- Khi thu được nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng:

Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi thu các khoản nợ phải thu:

Nợ TK 111, 112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Ghi nhận phần chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 131

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ nhà cung cấp chưa thanh toán tiền bằng ngoại tệ, căn cứ vào tỷ giá giao dịch tại ngày giao dịch

Nợ TK 111, 112, 153, 156, 211, 642

Có TK 331: phải trả người bán

- Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ :

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: chi phí tài chính(lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111, 112 (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 : doanh thu hoạt động tài chính

- Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

+ Khi thanh toán nợ phải trả:

Nợ TK 331

Có TK 111, 112

+ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời khi thanh toán nợ phải trả hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: chi phí tài chính

Có TK 331

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 331

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

1.5. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.5.1. Theo Hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung, mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của cả nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

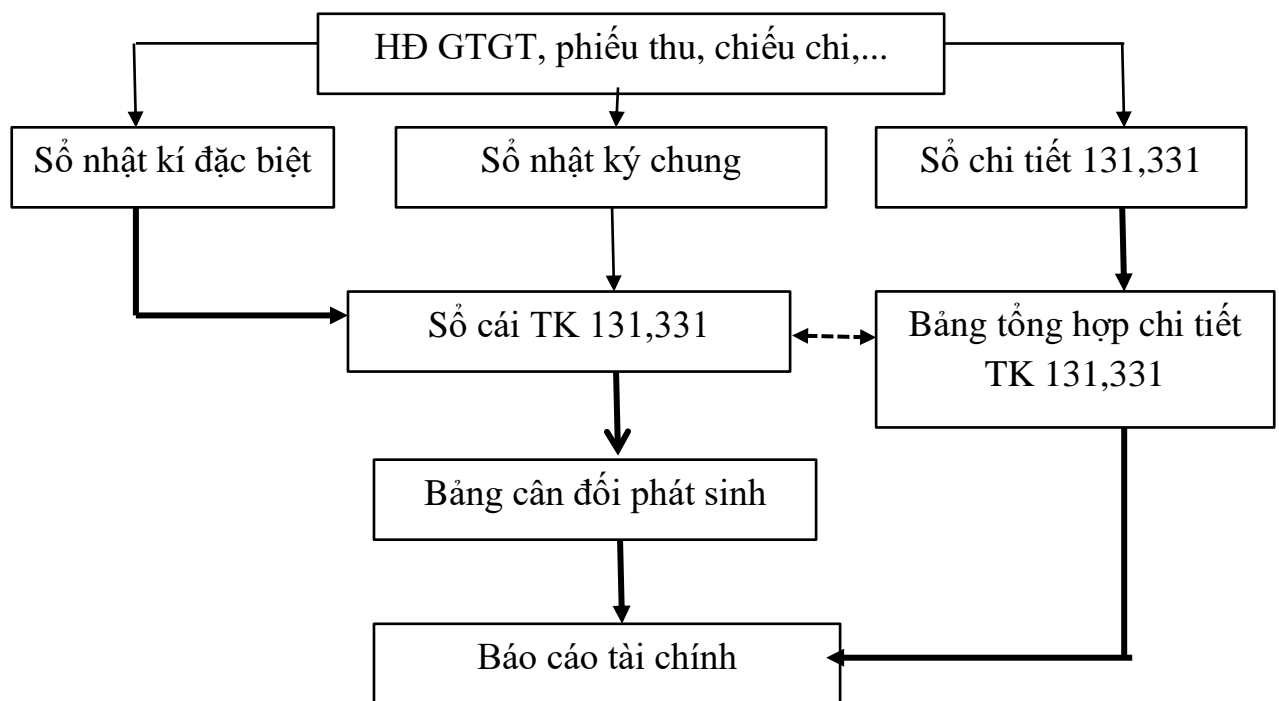
Ưu điểm.

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm

- Lượng ghi chép nhiều.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.

Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Kiểm tra đối chiếu ←-.->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ

vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật Ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản phù hợp.

- Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật Ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh bên Nợ và Tổng số phát sinh bên Có trên Nhật ký chung cùng kỳ.

1.5.2. Theo Hình thức Nhật ký – sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

- Sổ sách chủ yếu:

+ Nhật ký - Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ chi tiết.

- Ưu điểm

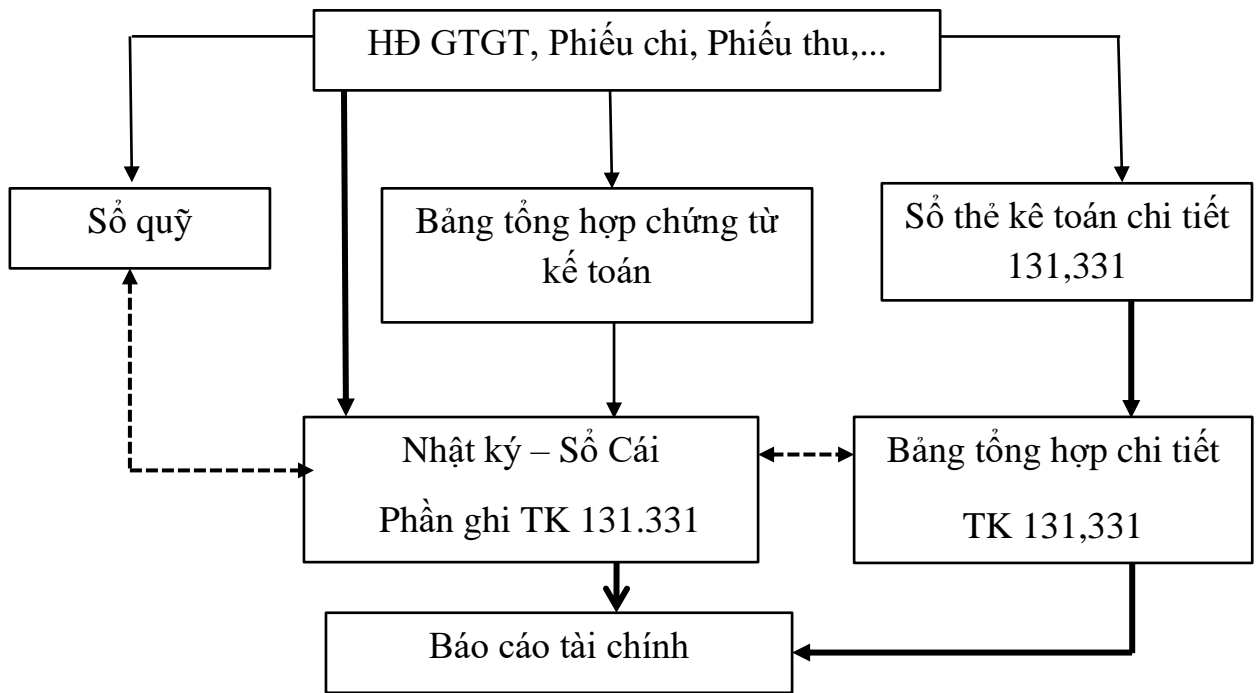
+ Số lượng ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép. Nhật ký chung Sổ cái tài khoản 131, 331... Cân đối số phát sinh Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331 Sổ chi tiết 131,331; Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có)

+ Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký - Sổ cái.

- Nhược điểm

+ Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

+ Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>

Ghi định kỳ —————>

Kiểm tra đối chiếu <----->

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại Nhật ký - Sổ cái Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331; Sổ chi tiết 131,331; Sổ quỹ mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập

cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Công việc cuối tháng:

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.5.3. Theo Hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ kế toán:

- Chứng từ ghi sổ;

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

- Sổ cái;

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

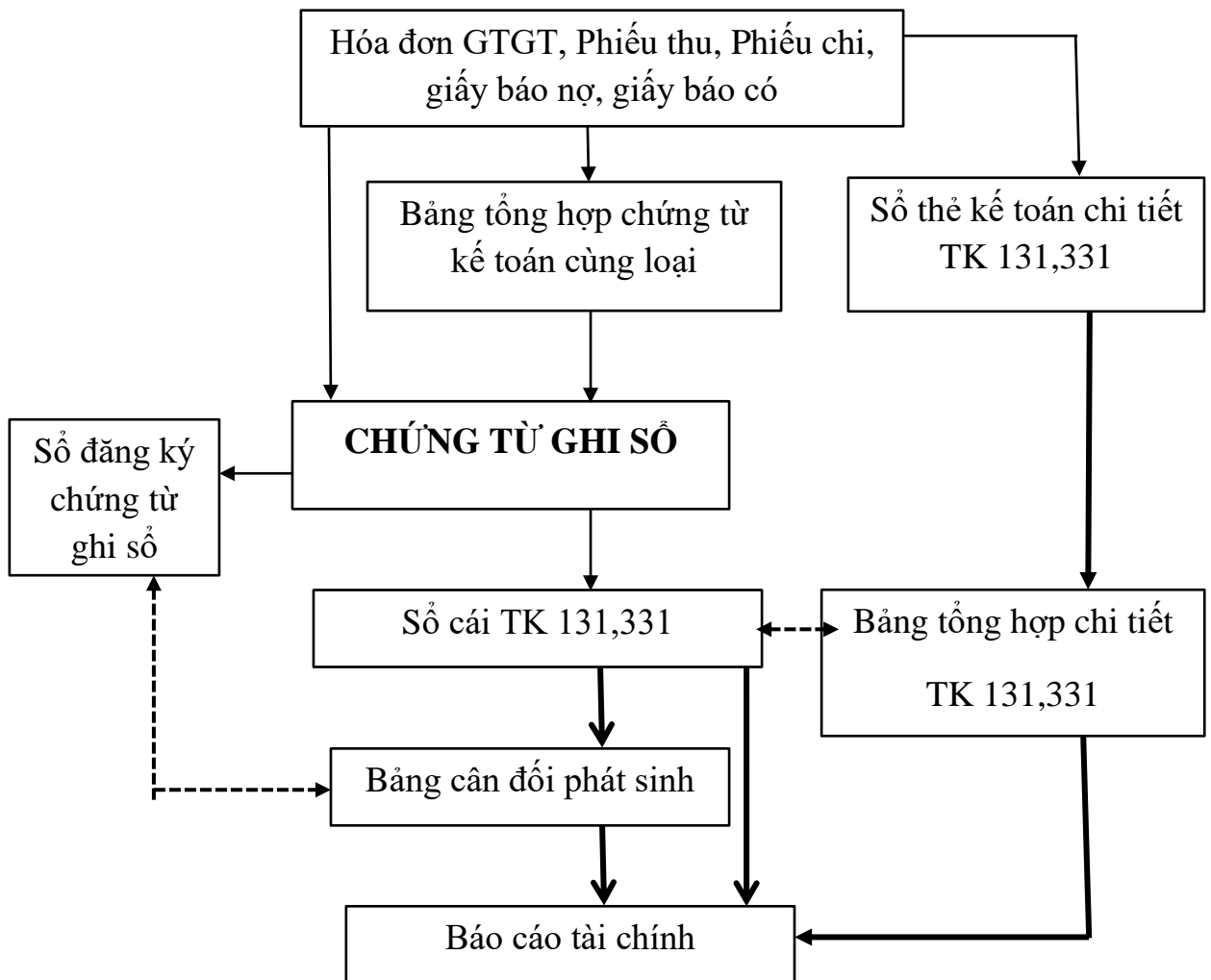
Ưu điểm

- Mẫu số đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

- Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>

Ghi định kỳ —————>

Kiểm tra đối chiếu <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập

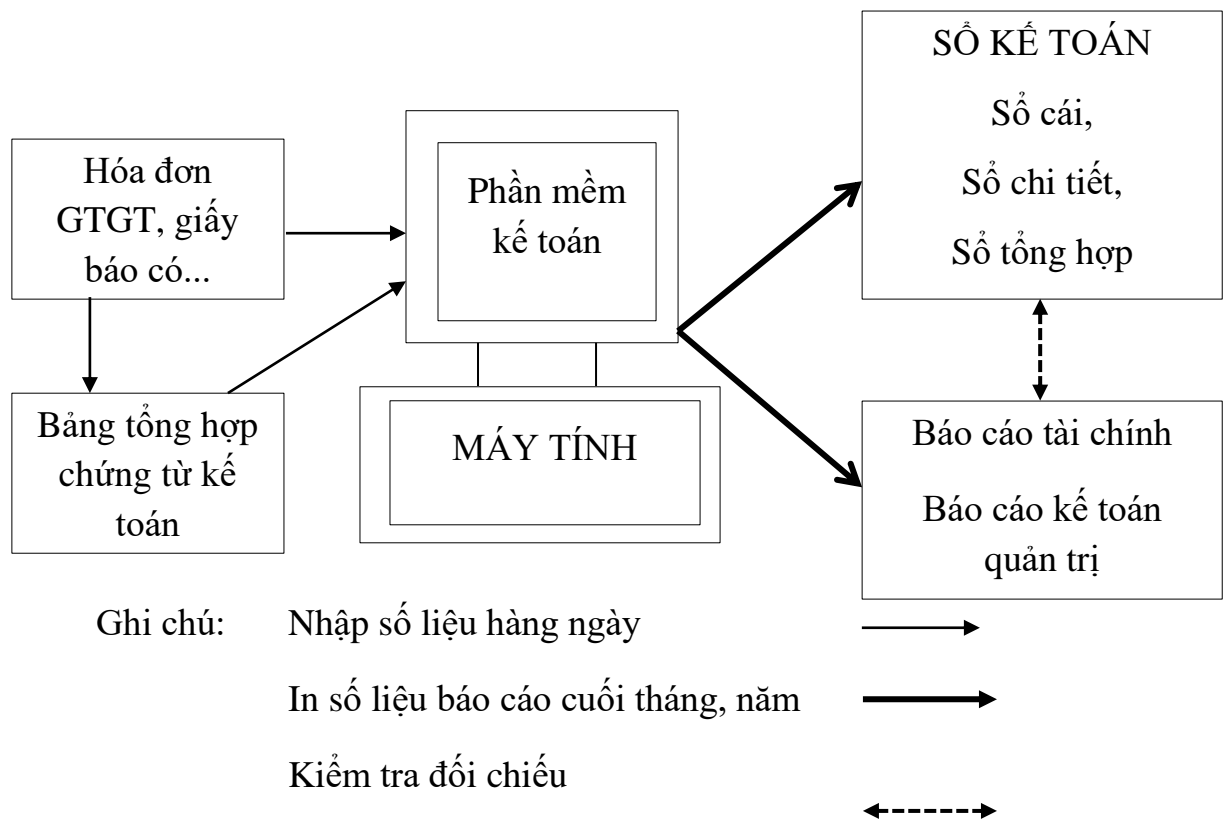
Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại chứng từ ghi sổ, Báo cáo tài chính Chứng từ kế toán (Hóa đơn GTGT, phiếu chi... Bảng tổng hợp chi tiết 131, 331) Sổ chi tiết 131,331;Sổ quỹ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái TK131,331... Bảng cân đối số phát sinh

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Theo Hình thức kế toán máy

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Công ty TNHH giao nhận vận tải DH (DH Logistics corp) được thành lập tháng 1/2008 (số đăng kí kinh doanh 0102897678) với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh trong khâu vận chuyển hàng hóa của các công ty Việt Nam và đưa thương hiệu của các công ty Việt Nam vươn tầm Quốc Tế . DH logistics là công ty logistics cung cấp dịch vụ toàn diện cho khách hàng với phạm vi toàn cầu bao gồm: vận tải đường biển; vận tải đường hàng không; vận tải đường bộ; dịch vụ khai báo hải quan; dịch vụ gom hàng , phân phối; handle hàng dự án. Do đặc thù và quy mô của mảng vận tải đường bộ, mà công ty TNHH giao nhận và vận tải DH đã tách riêng mảng vận tải đường bộ này ra và thành lập một công ty con là công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH chuyên trách nhiệm vận tải đường bộ.

- Tên doanh nghiệp:

Tên bằng tiếng Việt: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Tên bằng tiếng Anh: DH trucking and distribution service company limited.

- Tên viết tắt: DH TRUCKING CO.,LTD
- Ngày hoạt động: 25/05/2014 theo quyết định thành lập số 0201558605 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.
- Trụ sở chính : số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0201558605.
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng.

Có thể nói một yếu tố để đánh giá năng lực của công ty vận tải đó là số lượng xe đầu kéo. Hiện nay DH trucking đang quản lý đội xe 27 đầu xe kéo và

35 rơ moóc, công ty hoàn toàn đủ năng lực để đáp ứng các đơn hàng vận tải đường bộ từ mức trung bình đến lớn.

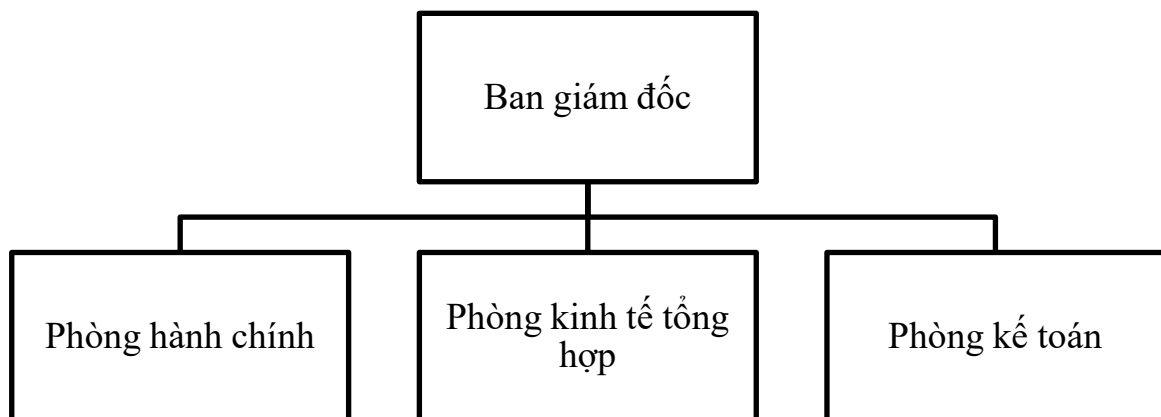
Công ty đã cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ hay còn gọi là kéo container cho các công ty lớn như KGL- là tổng thầu của Samsung về dịch vụ logistics và Pantos; HILO- tổng thầu dịch vụ logistics của LG và nhiều công ty lớn nhỏ khác. Thông qua quá trình làm việc với các công ty lớn DH Trucking hoàn toàn có thể tự tin đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng và đối tác có nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải đường bộ / kéo cont.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ

Công ty cung cấp các dịch vụ vận tải nội địa.

Dịch vụ vận tải đường biên với tuyến vận tải đặc thù container 45 feet từ cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị về các khu công nghiệp.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

- Ban giám đốc: Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đang thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng của cả công ty.
- Phòng hành chính: chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, thực hiện công tác hành chính tổng hợp văn thư, soạn thảo các văn bản ban hành văn bản thuộc các lĩnh vực tổ chức.
- Phòng kinh tế tổng hợp:

- Nhân viên điều vận :lên kế hoạch, bố trí sắp xếp các xe để hàng hóa được vận chuyển đến nơi yêu cầu, chịu trách nhiệm trực tiếp trong quá trình vận hành của đội xe.

- Nhân viên giao nhận hiện trường (OPS) : nhận bộ chứng từ từ người bán và đi nộp thuế, thông hải quan hàng hóa xuất đi lấy hàng (nhập lại) tại chi cục, khai truyền hải quan hoặc hỗ trợ nhân viên chứng từ (CS) khai khi cần thiết.

- Nhân viên sửa chữa: thực hiện các công việc liên quan đến sửa chữa xe khi cần thiết.

- Phòng kế toán: thực hiện và theo dõi các công việc về tài chính của công ty.

2.1.4. Những thuận lợi khó khăn của công ty

Trong quá trình hoạt động công ty đã có những thuận lợi nhất định để phát triển, nhưng bên cạnh đó cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động.

a) Thuận lợi

Trong bối cảnh nền kinh tế của Hải Phòng đang trên đà phát triển mạnh đặc biệt là ngành vận tải, với sự đầu tư mạnh của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời có cảng biển lớn lượng hàng hóa lưu chuyển lớn. DH TRUCKING đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ và trở thành nhà cung ứng dịch vụ vận tải hàng đầu của khách hàng.

Có thể thấy, DH TRUCKING có được sự hỗ trợ lớn từ công ty mẹ DH Logictics trong việc điều hành công ty cũng như có lượng khách hàng nhất định.

Đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, năng động, có chuyên môn nghiệp vụ, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

Bên cạnh đó, công ty cũng được cung cấp trang thiết bị hiện đại, văn phòng được trang bị đầy đủ các máy tính và các phương tiện liên lạc đầy đủ để tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ và công việc được giao.

DH TRUCKING được trang bị một số lượng xe khá lớn, hiện đại để có thể đáp ứng những đơn hàng lớn của khách hàng.

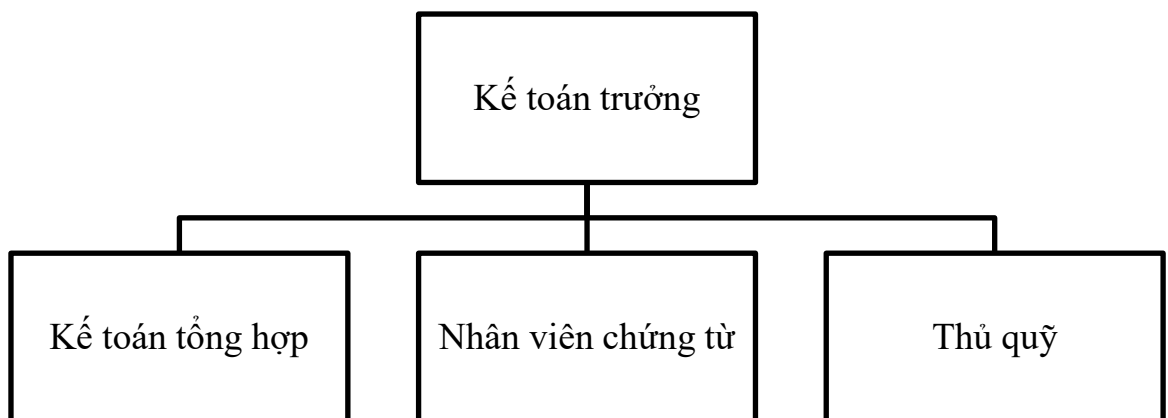
b) Khó khăn.

Bên cạnh những thuận lợi thì công ty cũng gặp không ít những khó khăn trong quá trình hoạt động. Trong tình hình nền kinh tế không ngừng vận động và phát triển, có rất nhiều công ty đầu tư vào ngành dịch vụ vận tải. Đây cũng là một thách thức lớn với công ty trước những đối thủ cạnh tranh trong việc chiếm lấy ưu thế hàng đầu trong việc chiếm lấy thị trường.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Phòng kế toán có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về mặt tài chính. Điều này giúp cho doanh nghiệp xem xét, điều chỉnh nguồn tài chính của công ty cho phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Ta có mô hình kế toán trong doanh nghiệp như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Kế toán trưởng: là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm về tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, đơn thúc giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh một cách tổng quát sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu giá trị của doanh nghiệp sau đó báo cáo các thông tin đó cho những người ra quyết định trong công ty.
- Nhân viên chứng từ: chủ động liên hệ với khách hàng để đặt lịch vận chuyển và sắp xếp theo tiến độ của công việc, làm hợp đồng, soạn thảo hóa đơn, làm các chứng từ liên quan đến hàng hóa.
- Thủ quỹ: chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ, số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền của công ty.

2.1.6. Chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị

Các chính sách kế toán của công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán: công ty vận dụng theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng)

Công ty sử dụng tiền Việt Nam Đồng là loại tiền chính trong hệ thống kế toán. Việc hoán đổi từ ngoại tệ sang tiền Việt Nam Đồng hoặc ngược lại sẽ dựa theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào thời điểm phát sinh giao dịch.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty.

Về nhà cung cấp: là các nhà cung cấp đáng tin cậy trên thị trường, thường thì là các công ty cung cấp xăng dầu uy tín, và các đối tác cung hợp tác lâu dài.

Về khách hàng: là các công ty hoạt động lĩnh vực kinh doanh buôn bán, các công ty logistic, công ty vận tải khác,...

Các phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán bao gồm: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

Hình thức thanh toán: Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt như chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

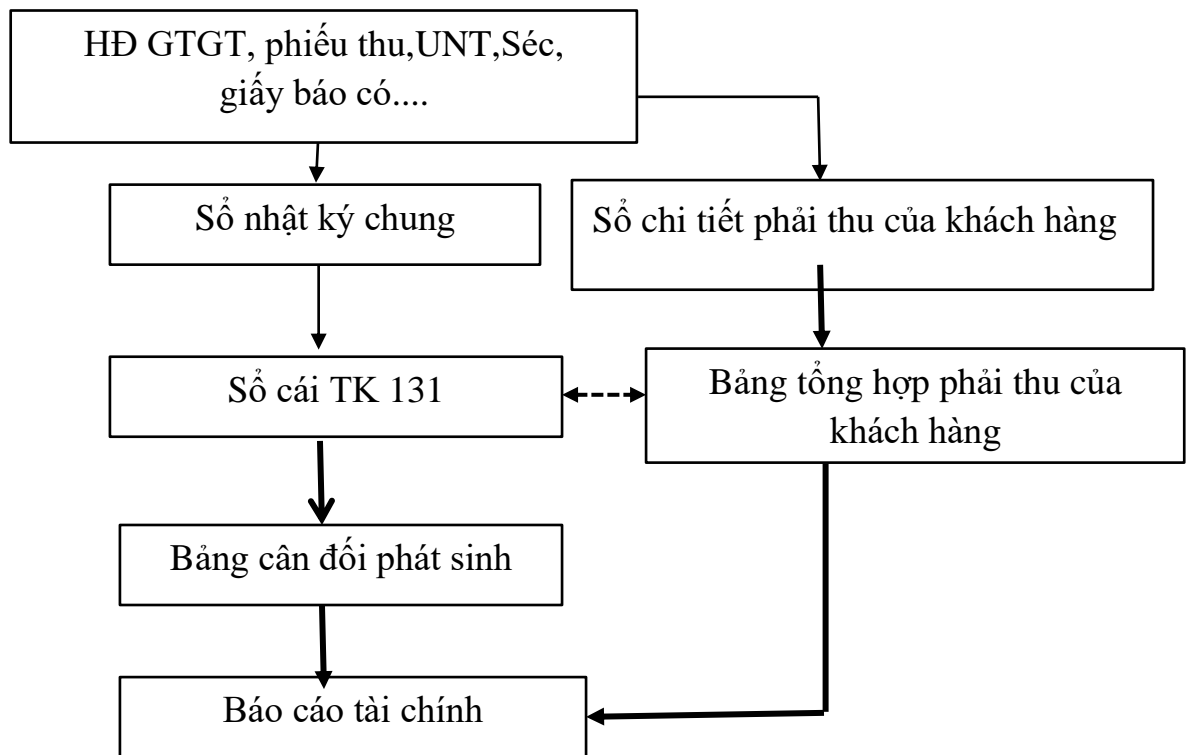
2.2.2.1. Chứng từ ,tài khoản, sổ sách sử dụng.

- Hợp đồng dịch vụ
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

Tài khoản sử dụng: TK 131- Phải thu của khách hàng.

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 131, sổ chi tiết phải thu khách hàng, bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

2.2.2.2. Quy trình hạch toán



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày →
 - Ghi định kỳ →
 - Kiểm tra đối chiếu ↔

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải thu của khách hàng. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái TK 131. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu Khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 131 và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 131, bảng tổng hợp phải thu khách hàng và bảng cân đối phát sinh để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 01: Ngày 02/12, Vận chuyển hàng hóa thuê cho công ty CP dịch vụ logistics Đại Cồ Việt chưa thu tiền: 2.200.000 (chưa thuế VAT)

Căn cứ vào hóa đơn số 0000535 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Định khoản: Nợ TK 131 : 2.420.000

Có TK 5113: 2.200.000

Có TK 3331: 220.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131(Biểu số 7), sổ chi tiết TK 511, TK 333. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131(Biểu số 6), TK 511, TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 9)

Ví dụ 2: Ngày 14/12, Vận chuyển hàng hóa thuê cho công ty CP TNHH Huy Chúc M & M chưa thu tiền: 59.309.091 (chưa VAT).

Căn cứ vào hóa đơn số 0000538 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Định khoản: Nợ TK 131 : 62.240.000

Có TK 5113: 59.309.091

Có TK 3331: 5.930.909

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131(Biểu số 7), sổ chi tiết TK 511, TK 333. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131(Biểu số 6), TK 511, TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 8)

Biểu số 1: HĐ GTGT 0000535

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3 : Nội bộ) Ngày 02/12/2019			Mẫu số:01/GTKT0/001 Kí hiệu : AA/19P Số : 0000535		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH MST: 0201558605 Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Số tài khoản: Điện thoại: 0225.3769838					
Họ tên người mua : Nguyễn Văn Hải Tên đơn vị : CÔNG TY CP DỊCH VỤ LOGICTICS ĐẠI CỒ VIỆT Mã số thuế: 0200145563 Địa chỉ : Tòa nhà Hải Minh, Km 105 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: CK/TM			Số TK: 19030521977016		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cước vận chuyển hàng hóa nội địa	Xe tải 2.5T	1	2.200.000	2.200.000
Cộng tiền hàng :					2.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng :			220.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.420.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 2: HD GTGT 0000538

HÓA ĐƠN			Mẫu số:01/GTKT0/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu : AA/19P		
(Liên 3 : Nội bộ)			Số : 0000538		
Ngày 14/12/2019					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH					
MST: 0201558605					
Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0225.3769838					
Họ tên người mua : Vũ Đức Bắc					
Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH HUY CHỨC M&M					
Mã số thuế:0106486622					
Địa chỉ : 32 Nam Ngư, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: CK Số TK: 14021734847011					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cước vận chuyển hàng hóa nội địa	Cont 40'	10	5.930.909	59.309.091
Cộng tiền hàng :					59.309.091
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế giá trị gia tăng :	5.930.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					65.240.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi năm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn/					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Ví dụ 3: Ngày 15/12 Công ty cổ phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt thanh toán tiền phí vận chuyển tháng 11/2019.

Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 44.550.000

Có TK 131: 44.550.000

Ví dụ 4: Ngày 15/12 Công ty TNHH Huy Chúc M&M thanh toán tiền phí vận chuyển tháng 11/2019

Định khoản:

Nợ TK 112: 75.840.000

Có TK 131: 75.840.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 5) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 phải thu khách hàng mở cho Công Ty Cổ Phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt (Biểu số 7), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu số 6), TK 112

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 phải thu khách hàng mở cho Công Ty Cổ Phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (Biểu số 8)

Biểu số 3: Giấy báo có số 000102

Liên 2: Giao khách hàng
Số : 00102

GIẤY BÁO CÓ

Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng Số / Seq
NoEBANKING04/418405059
MST/ Tax code: 0200124891-009 Ngày 15/12/2019

SỐ TÀI KHOẢN: 02001010121268

TÊN TÀI KHOẢN: CTY TNHH DV VẬN TẢI PHÂN

PHỐI DH

KÝ HIỆU
CHỨNG TỪ

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH
MST: : 0201558605
Người chuyển tiền: CÔNG TY ĐẠI
CÔ VIỆT
Số TK : 19030521977016
Ngân hàng : MARITIME BANK

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng
thông báo : Hôm nay tài khoản của
Quý khách hàng được GHI CÓ như
sau:

Diễn giải	Số tiền	Số tiền quy đổi
REM Tfr A/c: 19030521977016 TT CƯỚC VẬN CHUYỂN THÁNG 11		
Số tiền ghi có	44.550.000	44.550.000
Phí dịch vụ:	0	0
Thuế GTGT:	0	0
Tổng số tiền GHI CÓ	44.550.000	44.550.000

NV thực hiện giao dịch: EBANKING04

CB kiểm soát giao dịch: EBANKING03

Người lập**Kiểm soát****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 4: Giấy báo có số 000178

Liên 2: Giao khách hàng
Số : 00178

GIẤY BÁO CÓ

Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng Số / Seq
NoEBANKING02/706093389
MST/ Tax code: 0200124891-009 Ngày 15/12/2019

SỐ TÀI KHOẢN: 02001010121268
TÊN TÀI KHOẢN: CTY TNHH DV VẬN TẢI PHÂN
PHỐI DH

KÝ HIỆU
CHỨNG TỪ

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH
MST: : 0201558605
Người chuyển tiền: CÔNG TY TNHH
HUY CHỨC M&M
Số TK : 14021734847011
Ngân hàng : MARITIME BANK

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng
thông báo : Hôm nay tài khoản của
Quý khách hàng được GHI CÓ như
sau:

Diễn giải	Số tiền	Số tiền quy đổi
REM Tfr A/c: 14021734847011 TT CƯỚC VẬN CHUYỂN THÁNG 11		
Số tiền ghi có	75.840.000	75.840.000
Phí dịch vụ:	0	0
Thuế GTGT:	0	0
Tổng số tiền GHI CÓ	75.840.000	75.840.000

NV thực hiện giao dịch: EBANKING04

CB kiểm soát giao dịch: EBANKING03

Người lập

Kiểm soát

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 5: Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH
Địa chỉ : số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03a –DNN
(Ban hành theo Thông tư số
: 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Trích Năm 2019

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	K đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
HD0000535	2/12	Cước vận chuyển hàng hóa nội địa cho công ty Đại Cồ Việt	131	2.200.00	
			5113		2.200.00
HD0000535	2/12	Thuế GTGT	131	220.000	
			3331		220.000
.....
HD0000538	14/12	Cước vận chuyển hàng hóa nội địa cho công ty Huy Chúc M&M	131	59.309.091	
			5113		59.309.091
HD0000538	14/12	Thuế GTGT	131	5.930.909	
			3331		5.930.909
.....
GBC00102	15/12	Công ty Đại Cồ Việt thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 11	112	44.550.000	
			131		44.550.000
GBC00178	15/12	Công ty Huy Chúc thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 11	112	75.840.000	
....
HD0000234	20/12	Vận chuyển hàng hóa cho công ty Giao nhận Tiếp vận Quốc Tế chứ thu tiền	131	33.200.000	
			5113		33.200.000
HD0000234		Thuế GTGT	131	3.320.000	
			3331		3.320.000
....
			131		75.840.000
		Cộng phát sinh		14,682,937,314	14,682,937,314

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131 tháng 12/2019

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối
DH

Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông
Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN

(Ban hành theo Thông tư số :
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của BTC)

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức Sổ nhật ký chung)

Năm 2019

Số hiệu tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK Đôi ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		2.709.169.602	
....
2/12	HD0000535	2/12	Vận chuyển hàng hóa nội địa cho công ty Đại Cồ Việt	5113	2.200.000	
2/12	HD0000535	2/12	Thuế GTGT	3331	220.000	
....
14/12	HD0000538	14/12	Vận chuyển hàng hóa nội địa cho công ty Huy Chúc M&M	5113	59.309.091	
14/12	HD0000538	14/12	Thuế GTGT	3331	5.930.909	
....
15/12	GBC00102	15/12	Công ty Đại Cồ Việt thanh toán tiền phải vận chuyển tháng 11	112		44.550.000
15/12	GBC00178	15/12	Công ty Huy Chúc M&M thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 11	112		75.840.000
...
20/12	HD0000234	20/12	Vận chuyển hàng hóa thuê công ty Giao nhận Tiếp vận Quốc Tế	5113	33.200.000	
				3331	3.320.000	
....
			Cộng số phát sinh 2019		12.330.332.500	11.450.892.400
			Số dư cuối kỳ		3.588.609.702	

Sổ này mở gồm 18 trang, đánh số từ 01 đến 18.

Ngày mở sổ: 01/12/2019.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 7: Trích sổ chi tiết phải thu của khách hàng.

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S12 –DNN

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

TÀI KHOẢN: 131

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGICTICS ĐẠI CỎ VIỆT

Năm 2019.

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>					<u>62.350.000</u>	
2/12	HĐ0000535	2/12	Vận chuyển hàng nội địa chưa thu tiền	5113		2.200.000		64.550.000	
				3331		220.000		64.770.000	
8/12	HĐ0000536	8/12	Vận chuyển hàng nội địa	5113		16,600,000		81.370.000	
				3331		1,660,000		83.030.000	
15/12	GBC00102	15/12	Thu tiền vận chuyển hàng hóa	112			44.550.000	38.480.000	
			Cộng phát sinh			23,540,000	44.550.000		
			<u>SDCK</u>					<u>41.340.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH**Địa chỉ:** số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.**Mẫu số S12 –DNN**(Ban hành theo Thông tư số :
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)**SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG****TÀI KHOẢN: 131****ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH HUY CHÚC M&M**

Năm 2019.

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					<u>96.870.000</u>	
14/12	HĐ0000538	14/12	Vận chuyển hàng nội địa chưa thu tiền	5113		59.309.091		156.179.091	
				3331		5.930.909		162.110.000	
15/12	GBC00178	15/12	Thu tiền phí vận chuyển tháng 11	112			75.840.000	86.270.000	
			Cộng phát sinh			65.240.000	75.840.000		
			<u>SDCK</u>					<u>86.270.00</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 8: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng.**Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH****Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.****BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG.**

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
ĐCV	Công ty cổ phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt	62.350.000		23.540.000	44.550.000	41.340.000	
KNT	Công ty TNHH nội thất KNT	2.915.000			2.915.000	-	
MM	Công ty TNHH Huy Chúc M&M	96.870.000		65.240.000	75.840.000	83.270.000	
						
	Cộng	2.709.169.602		12,330,332,500	11.450.892.400	3.588.609.702	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Cty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

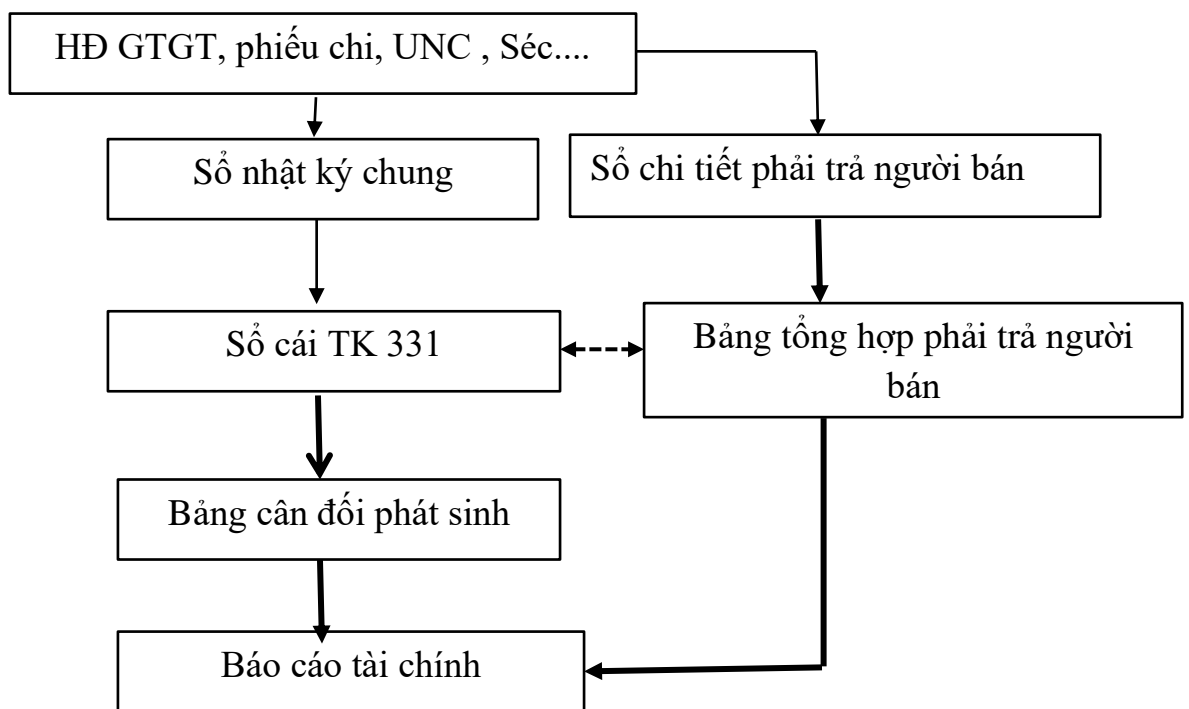
2.2.3.1. Chứng từ tài khoản, sổ sách sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi.

Tài khoản sử dụng: TK 331 – Phải trả người bán.

Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 331, Sổ chi tiết phải trả người bán, Bảng tổng hợp phải trả người bán.

2.2.3.2. Quy trình hạch toán



- Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>
- Ghi định kỳ —————>
- Kiểm tra đối chiếu <----->

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế

toán ghi chép vào sổ cái TK 331. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải trả người bán lập bảng tổng hợp phải trả người bán. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 331 với bảng tổng hợp phải trả người bán.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái TK 331 và bảng tổng hợp phải trả người bán, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 331, bảng tổng hợp trả người bán và bảng cân đối phát sinh để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 5/12 Công ty thuê bãi gửi xe của công ty TNHH Quốc Thịnh Phát số tiền 19.200.000 (chưa thuế VAT).

Định khoản: Nợ TK 154: 19.200.000

Nợ TK 1331: 1.920.000

Có TK 331: 21,120,000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 15) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (Biểu số 17), sổ chi tiết TK 152, TK 133. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 16), TK152, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (Biểu số 18)

Ví dụ 2: Ngày 10/12 công ty mua dầu nhớt Delo của công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh số lượng là 317 lít với đơn giá 65.090đ/lít (chưa thuế GTGT).

Định khoản: Nợ TK 152: 20.633.818

Nợ TK 1331: 2.063.382

Có TK 331: 22.697.200

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 15) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 (Biểu số 17), sổ chi tiết TK 152, TK 133. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 16), TK152, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán (Biểu số 18)

Biểu số 9: HD GTGT 0000823

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : AA/18P			
(Liên 2 : Giao cho người mua)		Số : 0000823			
<i>Ngày 02/12/2019</i>					
Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Quốc Thịnh Phát					
MST: 0201173098					
Địa chỉ: Số 104 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 001083880001					
Điện thoại: 02253260216					
Họ tên người mua :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH					
MST: 0201558605					
Địa chỉ : số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.					
Số TK:					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thuê bãi gửi xe				19.200.000
Cộng tiền hàng :					19.200.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng :		1.920.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					21.120.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng./</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 10: HD GTGT số: 000823

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2 : Giao cho người mua) Ngày 10/12/2019			Mẫu số:01GTKT3/001 Kí hiệu : AA/18P Số : 0000480		
Đơn vị bán hàng: công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh MST: 0201631647 Địa chỉ: Lô 2, số nhà 3, ngõ 168 đường Đoàn Xá, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 21210000704582 Điện thoại: 02253614989					
Họ tên người mua : Tên đơn vị : Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH MST: 0201558605 Địa chỉ : số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Số TK: Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu nhớt Delo	Lít	317	65.090	20,633,818
Cộng tiền hàng :					20,633,818
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng :		2,063,382	
Tổng cộng tiền thanh toán:					22,697,200
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm đồng./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Ví dụ 3: Ngày 12/12 Công ty chuyển tiền trả tiền thuê bãi tháng 11/2019 cho công ty TNHH Quốc Thịnh Phát số tiền 56,782,000

Định khoản: Nợ TK 331: 56,782,000.

Có TK 112: 56,782,000.

Ví dụ 4: Ngày 16/12 công ty thanh toán công nợ cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh số tiền: 23.760.885


Định khoản: Nợ TK 331: 23.760.885

Có TK 112: 23.760.885

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 15) đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán (Biểu số 17), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331(Biểu số 16), TK 112

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán(Biểu số 18)

Biểu số 11: Ủy nhiệm chi.

		Liên 1: Giao ngân hàng	
ỦY NHIỆM CHI			
Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng		Số / Seq/ no: 00090	
MST: 0200124891-009		Ngày 12/12/2019	
Số tiền : VND 56,782,000		Phí ngân hàng	
Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng.			
Nội dung: Thanh toán công nợ			
Người yêu cầu: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH Số TK: 0201558605 Tại: TMCP Hàng Hải – chi nhánh Lạch Chay		Người hưởng : Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát Địa chỉ: Số 104 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Số TK: 00108388001 Tại : Vietcombank – Chi nhánh lạch Chay	
Phần dành cho ngân hàng <ul style="list-style-type: none"> • MST khách hàng • Tổng cộng ghi nợ • Phí ngân hàng • Thuế VAT • Số tiền chuyển 		Người yêu cầu ghi họ và tên, đóng dấu Kế toán trưởng Chủ tài khoản	
		Dành cho ngân hàng/ người hưởng/NH trung gian	

Người lập*(Ký, họ tên)***Kiểm soát***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]*

Biểu số 12: Giấy báo nợ của ngân hàng số 00198

Liên 2: Giao khách hàng
Số : 00198

GIẤY BÁO NỢ

Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng Số / Seq
NoEBANKING02/706093389
MST/ Tax code: 0200124891-009 Ngày 12/12/2019

SỐ TÀI KHOẢN: 02001010121268

TÊN TÀI KHOẢN: CTY TNHH DV VẬN TẢI PHÂN

PHỐI DH

KÝ HIỆU
CHỨNG TỪ

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH

MST: : 0201558605

Người thụ hưởng: công ty TNHH Quốc
Thịnh Phát

Số TK:001083880001

Ngân hàng : VIETCOMBANK

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng
thông báo : Hôm nay tài khoản của
Quý khách hàng được GHI NỢ như
sau:

Diễn giải	Số tiền	Số tiền quy đổi
REM CTY DH THANH TOÁN CÔNG NỢ		
Số tiền ghi nợ	56,782,000	56,782,000
Phí dịch vụ:	0	0
Thuế GTGT:	0	0
Tổng số tiền GHI NỢ	56,782,000	56,782,000


NV thực hiện giao dịch: EBANKING02

CB kiểm soát giao dịch: EBANKING01

Người lập**Kiểm soát****Giám đốc**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 13: Ủy nhiệm chi

		Liên 1: Giao ngân hàng Số : 00106	
ỦY NHIỆM CHI			
Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng		Số / Seq/ no:	
EBANKING02/706093389			
MST: 0200124891-009		Ngày 16/12/2019	
Số tiền : VND 23.760.885		Phí ngân hàng	
Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, tám trăm tám mươi năm đồng.			
Nội dung: Thanh toán công nợ			
Người yêu cầu: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH Số TK: 0201558605 Tại: TMCP Hàng Hải – chi nhánh Lạch Chay		Người hưởng Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh Địa chỉ: : Lô 2, số nhà 3, ngõ 168 đường Đoàn Xá, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Số TK: 21210000704582 Tại : Ngân hàng BIDV- Hải Phòng	
Phần dành cho ngân hàng <ul style="list-style-type: none"> • MST khách hàng • Tổng cộng ghi nợ • Phí ngân hàng • Thuế VAT • Số tiền chuyển 		Người yêu cầu ghi họ và tên, đóng dấu Kế toán trưởng Chủ tài khoản	
		Dành cho ngân hàng/ người hưởng/NH trung gian	

Người lập**Kiểm soát****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]*

Biểu số 14: Giấy báo nợ của ngân hàng số 00312

Liên 2: Giao khách hàng
Số : 00312

GIẤY BÁO NỢ

Đơn vị: Chi nhánh MSB Hải Phòng

Số / Seq

NoEBANKING02/706093389

MST/ Tax code: 0200124891-009

Ngày 16/12/2019

SỐ TÀI KHOẢN: 02001010121268

TÊN TÀI KHOẢN: CTY TNHH DV VẬN TẢI PHÂN

PHỐI DH

KÝ HIỆU

CHỨNG TỪ

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ

VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH

MST: : 0201558605

Người thụ hưởng: Công ty TNHH

thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh

Số TK:21210000704582

Ngân hàng : BIDV Hải Phòng

Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng
thông báo : Hôm nay tài khoản của
Quý khách hàng được GHI NỢ như
sau:

Diễn giải	Số tiền	Số tiền quy đổi
REM CTY DH THANH TOÁN CÔNG NỢ		
Số tiền ghi nợ	23.760.885	23.760.885
Phí dịch vụ:	0	0
Thuế GTGT:	0	0
Tổng số tiền GHI NỢ	23.760.885	23.760.885

NV thực hiện giao dịch: EBANKING02

CB kiểm soát giao dịch: EBANKING01

Người lập**Kiểm soát****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 15: Trích Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH
Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03a –DNN
 (Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
HD0000823	2/12	Thuê bãi gửi xe của công ty Quốc Thịnh Phát	154	19.200.000	
			331		19.200.000
HD0000823	2/12	Thuế GTGT	1331	1.920.000	
			331		1.920.000
.....
HD0000480	10/12	Mua dầu nhờn Delo của công ty Vina Anh	152	20,633,818	
			331		20,633,818
HD0000480	10/12	Thuế GTGT	1331	2,063,382	
			331		2,063,382
.....
GBN00198	12/12	Thanh toán công nợ tháng 11 cho công ty Quốc Thịnh Phát	331	56,782,000	
			112		56,782,000
GBN00312	16/12	Thanh toán công nợ HD 0000447/0000448	331	23,760,885	
			112		23,760,885
....
HD0000561	25/12	Mua văn phòng phẩm chưa trả tiền công ty Anh & Tú	6422	4.632.500	
			331		4.632.500
HD0000561	25/12	Thuế GTGT	1331	463.250	
			331		463.250
....
		Cộng phát sinh		14,682,937,314	14,682,937,314

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 16: Trích sổ cái TK 331 tháng 12/2019

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH
 Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN
 (Ban hành theo Thông tư số :
 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của
 BTC)

SỔ CÁI

(dùng cho hình thức Sổ nhật ký chung)

Năm 2019

Số hiệu tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK Đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			2,063,929,125
....
2/12	HD0000823	2/12	Thuê bãi gửi xe của công ty Quốc Thịnh Phát	154		19,200,000
2/12	HD0000823	2/12	Thuế GTGT	1331		1,920,000
....
10/12	HD0000480	10/12	Mu dầu nhờn Delo của công ty TNHH Vina Anh	152		20,633,818
14/12	0000538	14/12	Thuế GTGT	1331		2,063,382
....
12/12	GBN00198	12/12	Thanh toán công nợ tháng 11 cho công ty Quốc Thịnh Phát	112	56.782.000	
16/12	GBC00312	16/12	Thanh toán công nợ HD 0000447/0000448 cho công ty Vina Anh	112	23.760.885	
....
25/12	HD0000561	25/12	Mua văn phòng phẩm chưa trả tiền	6422		4.632.500
25/12	HD0000561	25/12	Thuế GTGT	1331		463.250
....
			Cộng số phát sinh		8.424,166,923	11,313,756,403
			Số dư cuối kỳ			4,953,518,605

Sổ này mở gồm 15 trang, đánh số từ 01 đến 15.

Ngày mở sổ: 01/12/2019.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

Kê toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 17: Trích sổ chi tiết phải trả cho người bán.

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Mẫu số S12 –DNN

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

TÀI KHOẢN: 331

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

Năm 2019.

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>						<u>215.017.000</u>
2/12	HĐ0000823	2/12	Thuê bãi gửi xe	154			19,200,000		234.217.000
				1331			1.920.000		236.137.000
9/12	HĐ0000854	9/12	Thuê bãi gửi xe	154			57,550,000		293.687.000
				1331			5.755.000		299.442.000
12/12	GBN00198	12/12	Thanh toán công nợ tháng 11	112		56,782,000			242.660.000
...
			Cộng phát sinh			77,902,000	84,425,000		
			<u>SDCK</u>						<u>221.540.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

Mẫu số S12 –DNN

Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

TÀI KHOẢN: 131

ĐỐI TƯỢNG: CÔNG TY TNHH HUY CHỨC M&M

Năm 2019.

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>						<u>32.255.885</u>
10/12	HĐ0000480	10/12	Mua dầu nhờn Delo	152			20,633,818		52.889.703
				1331			2,063,382		54.953.085
16/12	GBN00312	16/12	Thanh toán công nợ HĐ 0000447/0000448	112		23,760,885			31.192.200
								
			Cộng phát sinh			23.760.885	24.864.200		
			<u>SDCK</u>						<u>33.359.200</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

Biểu số 18: Trích bảng tổng hợp phải trả cho người bán.**Đơn vị:** Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH**Địa chỉ:** số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....							
QTP	Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát		215.017.000	77.902.000	84.425.000		221.540.000
VH	Công ty TNHH Vinh Hiền		7.128.000	7.128.000			
VNA	Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải Vina Anh		32.255.885	23.760.885	24.864.200		33.359.200
....							
	Cộng		2.063.929.125	8.424.166.923	11.313.756.403	20.000.00	4.973.518.605

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH)[3]

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của nhân viên kế toán luôn được nâng cao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức sổ “ Nhật Ký Chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản dễ áp dụng. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh dễ dàng trên sổ các sổ cái sổ chi tiết được ghi chép theo trình tự thời gian .Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ của nhân viên và tình trạng trang thiết bị kỹ thuật của công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm phục vụ kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty

- Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ : Công ty đã sử dụng đầy đủ chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi

- Về hệ thống tài khoản : công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016

- Về hạch toán kế toán thanh toán: công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được thực hiện kịp thời, công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty , nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược trong tương lai.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải và phân phối DH vẫn còn những hạn chế nhất định

- Quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và thành công của công ty tuy nhiên công ty vẫn chưa có những biện pháp để quản lý công nợ sát sao và hiệu quả dẫn đến vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm thời hạn

- Trong công tác kế toán thanh toán công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm .

- Đối với những khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào để xử lý , khắc phục theo hướng có lợi nhất cho công ty trong khi với tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toán có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Sau đây là bảng báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2019 tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH.**Báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng****Đến ngày 31/12/2019**

T T	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2019	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty cổ phần giao nhận vận tải DH	130.611.500			130.611.500	5 tháng
2	Công ty Cổ phần Giao nhận Tiếp vận Quốc Tế	36.520.000		36.520.000		
3	Công ty cổ phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt	41.340.000	41.340.000			
4	Công ty TNHH Huy Chúc M&M	83.270.000	83.270.000			
	
	Tổng cộng	2.709.169.602	1.824.610.000	136.520.000	748.039.602	

Ngày thángnăm

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

- Bên cạnh đó, công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán. Hiện nay công việc kế toán của công ty được thực hiện trên Excel. Dẫn đến mất rất nhiều thời gian còn nhiều sai sót.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và phân phối DH

3.2.1. Giải pháp 1: Quản lý công nợ

Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng

Với một hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục với người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:.....
Tên viết tắt:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Số Fax(*Fax No.*).....
Địa chỉ thư điện tử:
Loại hình đăng ký doanh nghiệp(Công ty cổ phần, Công ty TNHH...)
.....
Ngành nghề đăng ký kinh doanh:.....
Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh(Mã doanh nghiệp):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
Mã số thuế:.....
Tài khoản ngân hàng:
Người đại diện theo pháp luật:.....ĐT:.....
Người giao dịch:..... ĐT:.....

Ví dụ: Hồ sơ theo dõi khách hàng**HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG**

Tên khách hàng: CÔNG TY CP DỊCH VỤ LOGISTICS ĐẠI CỎ VIỆT

Tên viết tắt: DACO LOGISTICS

Địa chỉ: Tòa nhà Hải Minh, Km 105 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mã số thuế: 0305054200

Điện thoại: 02253.593681

Số Fax(*Fax No.*).....

Địa chỉ thư điện tử:

Loại hình đăng ký doanh nghiệp(Công ty cổ phần, Công ty TNHH...):

Công ty Cổ phần

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh(Mã doanh nghiệp):.....

Ngày cấp:28/ 10/ 2015

Nơi cấp: Chi cục thuế Hải Phòng

Mã số thuế: 0200145563

Tên ngân hàng: Ngân hàng Techcombank- Hải Phòng

Số tài khoản: 19030521977016

Người đại diện theo pháp luật: PHẠM VĂN BÌNH ĐT: 0382684090

Người giao dịch: Phạm Ngọc Hà

ĐT:0975747186

➤ Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kỳ:

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra và cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá dài hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

Hải Phòng, ngày.... tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế

- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày...tháng...năm...Tại văn phòng Công ty...,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH**

- Địa chỉ: số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Hoàng Văn Tài

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công tysố tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty cổ phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt

CÔNG TY TNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

DỊCH VỤ VẬN TẢI

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

VÀ PHÂN PHỐI DH

Hải Phòng, Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại văn phòng Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÂN PHỐI DH**

- Địa chỉ số 1185 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Hoàng Văn Tài

Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (Bên mua): Công ty cổ phần dịch vụ logistics Đại Cồ Việt

- Địa chỉ: Tòa nhà Hải Minh, km 105 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng

- Điện thoại: +84 2471094882

Fax:.....

- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì: 0 đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
30/12/2019	0000535	2.200.000	220.000	2.420.000
30/12/2019	0000536	16.600.000	1.660.000	18.260.000

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 0.đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 31/12 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH số tiền là: 20.680.000 đồng.

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

3.2.2. Giải pháp 2 : Giải pháp thu hồi nợ hiệu quả

Vấn đề nợ xấu trong doanh nghiệp luôn là vấn đề được các ban quản lý quan tâm. Vì vậy việc quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự thành công của một doanh nghiệp

- Bằng mọi giá phải cố gắng thu hồi nợ được ở trong giai đoạn thương lượng đàm phán bởi công ty sẽ tiết kiệm được tài chính thời gian

- Đưa ra rõ ràng chính sách trong hợp đồng để hạn chế tối đa những vấn đề phát sinh sau . Thể hiện cụ thể thời hạn và phương thức thanh toán ghi rõ hạn thanh toán và hạn chót thanh toán

- Lập một quy trình rõ ràng thu hồi nợ cho công ty : Khi làm việc với khách hàng công ty nên lập 1 quy trình thu hồi nợ để xác định được rõ cá nhân nào sẽ chịu trách nhiệm gửi thư nhắc nhở hoặc thông báo các khoản nợ với khách hàng

- Lưu trữ dưới dạng tài liệu mọi giao dịch như liên hệ với khách hàng bằng email, thư, cuộc gọi,..Đó sẽ là tài liệu nếu xảy ra tranh chấp sau này

3.2.3. Giải pháp 3: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của bộ tài chính . vì vậy mức chiết khấu thanh toán có thể do công ty quy định

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được như cụ thể trong hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên , đây là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với khách hàng

Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán x tỷ lệ chiết khấu x số ngày thanh toán trước hạn

Phương pháp hạch toán

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK: 131,111,112,...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có tài khoản 635 chi phí tài chính

Năm 2019, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng MARITIME BANK. Tại thời điểm này mức lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng MSB năm 2019 là 6.8%/ năm, mức lãi suất cho vay là 7.9%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỉ lệ chiết khấu thanh toán là 7%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng MSB

Ví dụ minh họa: Ngày 10/10/2019, bán hàng cho công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung chưa thu tiền:

Định khoản:

Nợ TK 131: 132.000.000

Có TK 511: 120.000.000

Có TK 3331: 12.000.000

Ngày 15/10/2019, công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 10/10/2019, mặc dù theo hợp đồng đã ký trước đó công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung đến ngày 10/11/2019 mới phải thanh toán tiền hàng. Công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung đã thanh toán trước 26 ngày. Kế toán tính chiết khấu thanh toán công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung như sau:

$$\Rightarrow \text{Tiền chiết khấu} = (7\%/360) \times 26 \times 132.000.000 = 667.333$$

Định khoản:

Nợ TK 635: 667.333

Có TK 111: 667.333

3.2.4. Giải pháp 4: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, công ty TNHH Dịch vụ vận tải và phân phối DH chưa trích lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong tương lai nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 48/2019 – BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019

Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn, đồng thời đảm bảo điều kiện sau:

a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

- Một trong số các chứng từ gốc sau: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ;

- Bản thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b) Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

2. Mức trích lập:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông và doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.

c) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã

được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

3. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp không được trích lập bổ sung khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

b) Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp trích lập bổ sung số chênh lệch đó và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

c) Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch đó và ghi giảm chi phí trong kỳ.

d) Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nêu trên. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

đ) Đối với khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ, căn cứ phương án mua, xử lý nợ và các nguyên tắc trích lập dự phòng tại Thông tư này để thực hiện trích lập dự phòng, số dự phòng được trích lập tối đa bằng số tiền mà doanh nghiệp đã bỏ ra để mua khoản nợ, thời gian trích lập tối đa không quá thời gian tái cơ cấu doanh nghiệp, thu hồi nợ tại phương án mua, xử lý nợ.

e) Doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán phát sinh từ khoản lợi nhuận, cổ tức được chia do góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

g) Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có phát sinh cả nợ phải thu và nợ phải trả, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên để doanh nghiệp trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được kế toán thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính:

a) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

b) Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được doanh nghiệp xử lý xoá nợ, nếu sau đó doanh nghiệp lại thu hồi được nợ, kế toán sẽ căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 – Thu nhập khác

đ) Còn Đòi với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, thì tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

– Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,128, 244...

-Đối với Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã được lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,128, 244...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối .**BẢNG TÍNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI***Năm 2019*

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty cổ phần giao nhận vận tải DH	130.611.500	5 tháng	30%	39.183.450
	Tổng cộng	130.611.500	X	x	39.183.450

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Nhìn vào báo cáo trên có thể thấy Công ty cần trích lập dự phòng năm 2019 đối với các khoản nợ như sau:

- Công ty cổ phần giao nhận vận tải DH theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019 thì khoản nợ 130.611.500 đồng có hạn thanh toán là ngày 31/08/2019, đã quá hạn thanh toán 5 tháng.

Mặc dù các khoản nợ đã quá hạn nhưng Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ, việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính của công ty khi mà trong tương lai công ty không thu hồi được nợ

Kế toán sẽ tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi:

$$130.611.500 \times 30\% = 39.183.450$$

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi:

Nợ TK 642: 39.183.450

Có TK 2293: 39.183.450

Giải pháp 5: Sử dụng phần mềm kế toán

- Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy vi tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của Nhà nước

- Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình liên quan đến chi tiết. Nó liên quan đến các quy định, luật lệ, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật lệ, thuế...hiện thành sẽ giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ với luật pháp. Hơn nữa nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp Điều doanh nghiệp cần làm là nhập dữ liệu và in ra

- Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

+ Ít tốn thời gian: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và theo tác in

+ Chính xác: Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu

+ Dễ sử dụng : Hầu hết các phần mềm kế toán có đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng

+ Lập báo cáo: Một trong những điều kiện tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất . bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng

BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập ra báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cái hàng ngày, tuần hoặc tháng

+ Công nợ: quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi. Báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng tho dõi công nợ của khách hàng này đến từng khách hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in ra tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm như : FAST, CYBER, ACCOUNTING, MISA,... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng một số phần mềm như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast Accounting.

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2020)

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2020 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

- Tính chính xác: Số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao

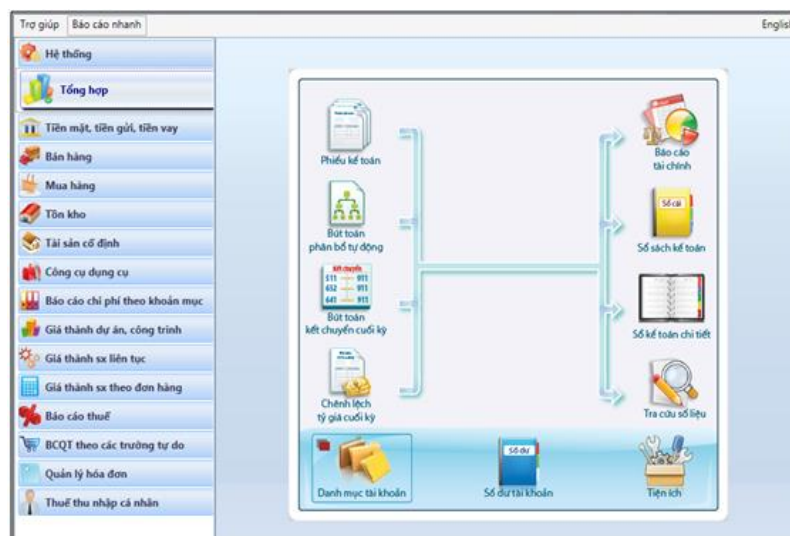


➤ Phần mềm kế toán Fast 2018

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ hiện hành cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý cao

- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp



➤ Phần mềm kế toán 3TSoft 2015



Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này có khả năng bảo mật rất cao đảm bảo dữ liệu tuyệt đối. Ngoài ra trên phần mềm Misa còn tích hợp quản lý hồ sơ khách hàng, bảng phân tích nợ phải thu quá hạn, trước hạn hoặc theo tuổi nợ và tự động làm biên bản đối chiếu công nợ tại bất cứ thời điểm nào khi cần yêu cầu quản lý.

KẾT LUẬN**1. Kết luận**

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 12 năm 2019. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính

+ Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình công ty, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

- Hạn chế:

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong việc ghi sổ sách

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý công nợ tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH :

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Công ty nên tăng cường công tác quản lý công nợ bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác ghi chép nhanh và hiệu quả hơn.

- Công ty nên lập hồ sơ để theo dõi và quản lý khách hàng khoa học hơn.

- Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên thực tập

Nguyễn Thị Nguyệt

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH dịch vụ vận tải và phân phối DH (2019), *Sổ sách kế toán Công ty*.

Hải Phòng, ngày tháng năm
Sinh viên thực tập

Nguyễn Thị Nguyệt